

## CHÍNH PHỦ

### **NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 121/2004/NĐ-CP ngày 12/5/2004 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.**

#### CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày  
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày  
27 tháng 12 năm 1993;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành  
chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài  
nguyên và Môi trường,*

#### NGHỊ ĐỊNH:

##### *Chương I*

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này phải bị xử lý vi phạm hành chính.

3. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Vi phạm các quy định về thực hiện đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định khác về bảo vệ môi trường;

b) Vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường.

4. Những hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ (sau đây gọi là các Nghị định có liên quan) được áp dụng các quy định tại các Nghị định đó.

##### **Điều 2.** Đối tượng bị xử phạt

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đều bị xử phạt theo các quy định tại Nghị định này và các Nghị định có liên quan.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa

của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều bị xử phạt như cá nhân, tổ chức Việt Nam theo các quy định tại Nghị định này và các Nghị định có liên quan, trừ trường hợp các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

3. Cá nhân là người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thì bị xử phạt theo các quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

### **Điều 3.** Nguyên tắc xử phạt

1. Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phải được phát hiện, xử phạt kịp thời và bị đình chỉ ngay.

Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả về môi trường do hành vi vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường khi thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này và các Nghị định khác của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính có liên quan đến môi trường.

3. Một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính một lần.

Một người, một tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong

lĩnh vực bảo vệ môi trường thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

Nhiều người, nhiều tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thì mỗi người, mỗi tổ chức vi phạm đều bị xử phạt.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức, biện pháp xử lý thích hợp.

5. Không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính của cá nhân trong khi mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác đã làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng tự điều khiển hành vi.

**Điều 4.** Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng trong việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 5.** Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường



là hai năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện; nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt, nhưng vẫn áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.

2. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường thì bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu cá nhân, tổ chức có vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc kể từ thời điểm chấm dứt hành vi cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

**Điều 6.** Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt

hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**Điều 7.** Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

Mức quy định phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 70.000.000 đồng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường và các loại giấy phép có nội dung liên quan về bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Giấy phép môi trường) có thời hạn hoặc không thời hạn;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn có thể bị

áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc thực hiện có thời hạn các biện pháp bảo vệ môi trường do cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường yêu cầu;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường do hành vi vi phạm gây ra;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;

d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường.

4. Cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện thực hiện các biện pháp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều này thì bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí cho việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó. Việc cưỡng chế thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 66 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

## Chương II

### CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT

**Điều 8.** Vi phạm các quy định về đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường và các giấy phép khác về môi trường

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đối với các cơ sở thuộc đối tượng quy định phải đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường để trình cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xác nhận mà đã tiến hành xây dựng công trình.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các cơ sở thuộc đối tượng quy định phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để trình cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường phê chuẩn mà đã tiến hành xây dựng công trình.

3. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đối với cơ sở đang hoạt động thuộc đối tượng quy định phải đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đối với cơ sở trong khu công nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng quy định phải đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường;

b) Không lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với cơ sở đang hoạt động thuộc đối tượng quy định phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;



c) Hoạt động không có giấy phép về môi trường theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thuộc đối tượng phải lập Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không có giấy phép về môi trường theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và cơ sở trong khu công nghiệp thuộc đối tượng phải lập Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

6. Biện pháp khác đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a) Buộc thực hiện có thời hạn đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Buộc thực hiện có thời hạn các thủ tục để được cấp Giấy phép môi trường.

**Điều 9.** Vi phạm các quy định về thực hiện những nội dung trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng những nội dung trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được xác nhận.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện những nội dung trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được xác nhận.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng những nội dung trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được xác nhận của các cơ sở trong khu công nghiệp hoặc trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê chuẩn.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện những nội dung trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được xác nhận của các cơ sở hoạt động trong khu công nghiệp hoặc trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê chuẩn.

5. Biện pháp khác đối với vi phạm quy định tại Điều này:

Buộc thực hiện có thời hạn đối với vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

**Điều 10.** Vi phạm các quy định về xả nước thải

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép dưới hai lần.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần trở lên.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến

70.000.000 đồng đối với hành vi xả nước thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt mức cho phép.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường từ 90 ngày đến 180 ngày đối với các vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường không thời hạn đối với các vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này gây ra.

**Điều 11.** Vi phạm các quy định về thải khí, bụi

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thải khí, bụi vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép vào môi trường;

b) Thải mùi hôi thối, mùi khó chịu trực tiếp vào môi trường không qua thiết bị hạn chế ô nhiễm môi trường.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần trở lên.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thải khí

thải, bụi thải có chứa chất nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thải khí thải, bụi thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt mức cho phép.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường từ 90 ngày đến 180 ngày đối với các vi phạm tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường không thời hạn đối với các vi phạm tại khoản 4 Điều này;

b) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này gây ra.

**Điều 12.** Vi phạm các quy định về thải chất thải rắn

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi thải chất thải rắn không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ô nhiễm môi trường.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp chất thải rắn có chứa chất thải nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép.



4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp chất thải rắn có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt mức cho phép.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường từ 90 ngày đến 180 ngày đối với các vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường không thời hạn đối với các vi phạm tại khoản 4 Điều này;

b) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này gây ra.

**Điều 13.** Vi phạm các quy định về tiếng ồn, độ rung

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi gây tiếng ồn, độ rung vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi gây tiếng ồn, độ rung vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ ngày hôm sau.

3. Biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi

phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây ra.

**Điều 14.** Vi phạm các quy định về quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải, các chất gây ô nhiễm môi trường không theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ô nhiễm môi trường.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại hoặc có chứa chất phóng xạ không đúng quy định về bảo vệ môi trường.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại gây ô nhiễm môi trường.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt mức cho phép.

6. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này:

a) Tước Giấy phép môi trường từ 90 ngày đến 180 ngày đối với các vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này;

Tước Giấy phép môi trường không thời hạn đối với các vi phạm tại khoản 5 Điều này;

b) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này gây ra.

**Điều 15.** Vi phạm các quy định về nhập khẩu, xuất khẩu phế liệu

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh, tạm nhập để tái xuất, tạm xuất để tái nhập, chuyển khẩu phế liệu không theo đúng quy định của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh, tạm nhập để tái xuất, tạm xuất để tái nhập, chuyển khẩu phế liệu mà không được cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cho phép.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây ô nhiễm môi trường.

4. Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp là chất thải nguy hại hoặc chất phóng xạ vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất phế liệu hoặc chất thải nguy hại;

b) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này gây ra.

**Điều 16.** Vi phạm các quy định trong các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, nhập khẩu công nghệ, hóa chất độc hại, sinh vật biến đổi gen và các sản phẩm của chúng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu công nghệ, hóa chất độc hại, sinh vật biến đổi gen và các sản phẩm của chúng không theo đúng quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu công nghệ, hóa chất độc hại, sinh vật biến đổi gen và các sản phẩm của chúng mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi làm trái quy định trong nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao, sản xuất, vận chuyển đối với sinh vật biến đổi gen và các sản phẩm của chúng.

4. Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này gây ô nhiễm môi trường.

5. Hình thức phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 30



ngày đến 90 ngày đối với các vi phạm quy định Điều này;

b) Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất;

c) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này gây ra.

**Điều 17.** Vi phạm các quy định về bảo tồn thiên nhiên

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi khai thác khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia không đúng quy định về bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi khai thác khu bảo tồn thiên nhiên không đúng quy định về bảo vệ môi trường, gây suy thoái môi trường.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi khai thác vườn quốc gia không đúng quy định về bảo vệ môi trường, gây suy thoái môi trường.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này gây ra.

**Điều 18.** Vi phạm các quy định về phòng, chống sự cố môi trường trong tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến

5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không trang bị phương tiện phòng, chống rò rỉ dầu, cháy nổ dầu, tràn dầu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Không có phương án phòng, chống rò rỉ dầu, cháy nổ dầu, tràn dầu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi gây ra sự cố rò rỉ dầu, cháy nổ dầu, tràn dầu.

3. Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này gây ô nhiễm môi trường.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm tại Điều này:

Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này gây ra.

**Điều 19.** Vi phạm các quy định về sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, nhập khẩu, tàng trữ, sử dụng pháo hoa và các chất dễ gây cháy nổ

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, nhập khẩu, tàng trữ, sử dụng pháo hoa và các chất dễ gây cháy nổ không đúng quy định về bảo vệ môi trường.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng pháo hoa và các chất dễ gây cháy nổ gây ô nhiễm môi trường.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các loại thuốc nổ lấy từ bom, mìn, lựu đạn và các loại vũ khí khác để sản xuất pháo hoa.

4. Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này gây sự cố môi trường.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu hàng hóa, vật phẩm;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này gây ra.

**Điều 20.** Vi phạm quy định về ô nhiễm đất

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi chôn vùi hoặc thải vào đất các chất gây ô nhiễm không theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ô nhiễm đất.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến

35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất thải nguy hại vượt tiêu chuẩn cho phép.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt mức cho phép.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm tại Điều này:

Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này gây ra.

**Điều 21.** Vi phạm quy định về ô nhiễm môi trường nước

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi xả, thải vào môi trường nước các chất gây ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ô nhiễm nước.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất thải nguy hại vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép.



4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt mức cho phép.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm tại Điều này:

Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này gây ra.

**Điều 22.** Vi phạm quy định về ô nhiễm không khí

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi thải các loại khói, bụi, chất độc hại hoặc các yếu tố độc hại khác vào không khí, gây ô nhiễm không khí.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất thải nguy hại gây hậu quả xấu đến con người và thiên nhiên.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp chất gây ô nhiễm có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt mức cho phép.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm tại Điều này:

Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này gây ra.

**Điều 23.** Vi phạm các quy định về ứng cứu và khắc phục hậu quả sự cố môi trường

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không kịp thời báo cho Ủy ban nhân dân, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nơi gần nhất khi phát hiện sự cố môi trường.

b) Không thực hiện những biện pháp thuộc trách nhiệm của mình để kịp thời khắc phục sự cố môi trường.

c) Không chấp hành hoặc chấp hành không đúng lệnh huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện để khắc phục sự cố môi trường.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường trên diện rộng, thời gian khắc phục hậu quả lâu dài.

4. Các biện pháp khắc phục đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này:

Buộc thực hiện các biện pháp khắc

09388962  
Tel: 84-3-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này gây ra.

**Điều 24.** Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi cản trở công tác điều tra, nghiên cứu, kiểm soát, đánh giá hiện trạng môi trường.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không trung thực về hiện trạng môi trường cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi cản trở công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường do cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành.

4. Biện pháp khác đối với vi phạm quy định tại Điều này:

Buộc thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

### Chương III

## THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT

**Điều 25.** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm gây ra;

đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;

d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm gây ra;

đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp;



d) Tịch thu hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm gây ra;

e) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường.

**Điều 26.** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường

1. Thanh tra viên chuyên ngành về tài nguyên và môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, của Bộ Tài nguyên và Môi trường đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;
- c) Tịch thu hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm gây ra.

2. Chánh Thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;

đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;

e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm quy định tại Điều này gây ra.

3. Chánh Thanh tra môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;

đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường;

e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường do hành vi vi phạm gây ra.

**Điều 27.** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức thanh tra nhà nước chuyên ngành

Ngoài những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này, những người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của Pháp lệnh Xử

lý vi phạm hành chính nếu phát hiện thấy các hành vi vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này mà thuộc lĩnh vực và địa bàn quản lý của mình thì có quyền xử phạt nhưng phải thực hiện theo đúng quy định của Điều 42 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 28.** Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, người có thẩm quyền xử phạt phải ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm.

2. Trình tự thủ tục xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện như sau:

a) Đối với vi phạm hành chính mà hình thức xử phạt là cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt tại chỗ.

Quyết định xử phạt phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, địa chỉ của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Quyết định này phải được giao cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt một bản.

Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt. Cá nhân, tổ chức vi phạm có thể nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp nộp tiền tại chỗ thì được nhận biên lai thu tiền phạt.

b) Đối với vi phạm hành chính mà hình thức xử phạt là phạt tiền trên 100.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản về vi phạm hành chính. Trong biên bản về vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp người vi phạm hoặc tên, địa chỉ tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm, các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt (nếu có); tình trạng hàng hóa, vật phẩm bị tạm giữ (nếu có); lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ người bị hại.

3. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền phải nộp tiền tại Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt và được nhận biên lai ghi tiền phạt.

Tại những vùng xa xôi, hẻo lánh, trên sông, trên biển, những vùng mà việc đi lại gặp khó khăn hoặc ngoài giờ hành chính thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Người bị phạt có quyền không nộp tiền phạt nếu không có biên lai thu tiền phạt.

4. Khi tịch thu hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường thì người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản, trong



biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, tình trạng, chất lượng của hàng hóa, vật phẩm bị tịch thu và phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến. Trường hợp cần niêm phong hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường thì phải tiến hành ngay trước mặt người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến.

5. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt. Quá thời hạn trên mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 66 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

6. Cá nhân bị xử phạt từ 500.000 đồng trở lên có thể được hoãn chấp hành xử phạt trong trường hợp đang gặp khó khăn đặc biệt về tài chính. Thủ tục và thời hạn hoãn chấp hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 65 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 29.** Tước quyền sử dụng giấy phép

1. Cá nhân, tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp các loại giấy phép môi trường đều có thể bị tước quyền sử dụng nếu có các vi phạm hành chính liên quan trực tiếp đến quy định về sử dụng giấy phép đó.

Khi quyết định tước quyền sử dụng giấy phép, người có thẩm quyền phải lập

biên bản, ghi rõ lý do tước quyền sử dụng giấy phép theo các nội dung quy định tại Điều 59 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, đồng thời phải buộc đình chỉ vi phạm.

Việc tước quyền sử dụng giấy phép chỉ được thực hiện khi có quyết định bằng văn bản của người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 25; khoản 2, khoản 3 Điều 26 của Nghị định này. Quyết định phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử lý, đồng thời thông báo cho nơi cấp giấy phép biết.

Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 25 của Nghị định này có quyền đề nghị cơ quan cấp giấy phép môi trường thu hồi giấy phép.

2. Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn đối với các vi phạm lần đầu, có thể khắc phục được. Khi hết thời hạn ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt phải trả lại giấy phép cho tổ chức, cá nhân được sử dụng giấy phép.

3. Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn áp dụng đối với các trường hợp sau:

- a) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;
- b) Giấy phép có nội dung trái với quy định về bảo vệ môi trường;
- c) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo vệ môi trường xét thấy không thể cho tiếp tục hoạt động được.

**Điều 30.** Những quy định khi áp dụng các biện pháp hành chính khác

1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 25, Điều 26 và Điều 27 của Nghị định này khi quyết định áp dụng các biện pháp hành chính khác phải căn cứ vào quy định của pháp luật, mức độ thiệt hại thực tế do hành vi vi phạm hành chính gây ra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Cá nhân, tổ chức bị áp dụng những biện pháp hành chính khác phải thi hành các hình thức xử phạt đó trong thời hạn 10 ngày sau khi được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp không thi hành sẽ bị cưỡng chế trong thời gian quy định. Chi phí cho việc tổ chức cưỡng chế do cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế chịu trách nhiệm.

3. Trong trường hợp các tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường phải tịch thu hoặc tiêu hủy thì khi thi hành phải lập biên bản có chữ ký của người quyết định, người bị phạt, người làm chứng và xử lý tang vật vi phạm hành chính theo đúng quy định tại Điều 60, Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

#### *Chương IV*

### KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, XỬ LÝ VI PHẠM

**Điều 31.** Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền.

Công dân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền những hành vi trái pháp luật về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Thủ tục khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 118 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Việc khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

**Điều 32.** Xử lý đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mà sách nhiễu, dung túng, bao che cho người vi phạm, không xử phạt hoặc xử phạt không đúng mức, xử phạt vượt thẩm quyền, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại cho Nhà nước, công dân, tổ chức thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.



**Điều 33.** Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính

Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

#### Chương V

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 34.** Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Nghị định này thay thế Nghị định số 26/CP ngày 26 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

**Điều 35.** Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

*Thủ tướng*

**Phan Văn Khải**

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH** của Thủ tướng Chính phủ số 459/QĐ-TTg ngày 12/5/2004 về việc ban hành Quy định về bồi thường, di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị quyết số 44/2001/QH10 của Quốc hội Khóa 10 kỳ họp thứ 9 ngày 29 tháng 6 năm 2001 về chủ trương đầu tư dự án nhà máy thủy điện Sơn La và Nghị quyết số 13/2002/QH11 của Quốc hội Khóa 11 kỳ họp thứ 2 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về phương án xây dựng công trình thủy điện Sơn La;*

*Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý*